

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Tây

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 118-KH/HU ngày 30/10/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Tây về triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13-NQ/TU*), Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TU nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, từ đó tạo sự chuyển biến tích cực về hành động.

- Chuyển đổi số lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; lĩnh vực nào người dân, doanh nghiệp cần thì tập trung chuyển đổi số trước; đổi mới tư duy, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Yêu cầu

Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TU, tạo sự chuyển biến thực chất, mạnh mẽ về chuyển đổi số trên địa bàn huyện đạt kết quả cao nhất; đồng thời, đảm bảo an toàn thông tin mạng là yếu tố then chốt, xuyên suốt và không thể tách rời trong quá trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung, nền tảng số được kết nối, chia sẻ trên toàn huyện và kết nối với ban, ngành tỉnh; từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, đơn vị, địa phương ứng dụng dữ liệu số trong quản lý, điều hành; cung cấp dữ liệu mở để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, triển khai trên nhiều phương thức truy cập khác nhau.

- Trên 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện; 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo huyện Sơn Tây, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình và đạt 100% cấp xã; huyện Sơn Tây không còn vùng lõm sóng di động.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Trên 60% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

- Trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).
- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong huyện ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.
- Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và dịch vụ mạng di động 4G, 5G.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Trên 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Trên 80% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

III. NHIỆM VỤ CHUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới tư duy và thống nhất nhận thức

- Người đứng đầu cơ quan, địa phương các cấp trong huyện tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; lấy kết quả việc triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các khóa tập huấn, bồi dưỡng, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức các khóa học, trao đổi về chuyển đổi số với doanh nghiệp để trả lời câu hỏi làm sao để thực hiện chuyển đổi số. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào góp ý, theo dõi và được hưởng kết quả từng bước của chuyển đổi số.

- Tăng cường thiết lập môi trường số từ cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ thông tin, cung cấp môi trường tương tác, thông qua đó người dân được trải nghiệm.

2. Phát triển hạ tầng số

Thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nhiệm vụ trong tâm:

2.1. Hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng huyện cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh.

- Phối hợp phát triển mạng cáp quang kết nối giữa các vùng, khu vực hành chính, đô thị, công nghiệp; đảm bảo dung lượng và tốc độ kết nối cáp quang băng thông rộng đến hộ gia đình theo chỉ tiêu và nhu cầu ứng dụng.

- Cơ quan hành chính các cấp có trách nhiệm tạo mọi thuận lợi để các doanh nghiệp xây dựng các công trình viễn thông cho mục tiêu phát triển mạng 5G tại huyện.

2.2. Hạ tầng Internet vạn vật (IoT)

- Phối hợp phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như an ninh, giao thông, môi trường, năng lượng, phòng chống lụt bão, ... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Phối hợp bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số; từng bước xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau, phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển đô thị như quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, phòng chống lụt bão, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy...

2.3. Hạ tầng dữ liệu

- Từng bước xây dựng hệ thống Kho dữ liệu dùng chung trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới.

- Hạ tầng dữ liệu cần đảm bảo được nhu cầu cung cấp và khai thác thông tin từ các hệ thống bên ngoài, từ hệ thống thông tin của bộ, ngành trung ương, từ hệ thống thông tin đô thị thông minh cũng như các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài.

- Kết nối đồng bộ từ xã đến huyện để phục vụ các hệ thống thông tin của tỉnh một cách tin cậy, ổn định, dựa trên công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, đạt chuẩn theo quy định; đóng vai trò nền tảng, kết nối các hệ thống thông tin, sẵn sàng chia sẻ, liên thông, kết nối với các hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương...

- Triển khai mạng lưới hệ thống giám sát, điều hành của huyện hướng đến kết nối, cung cấp các dịch vụ, tiện ích như: giám sát điều hành giao thông và an ninh trật tự; giám sát thông tin trên môi trường mạng; giám sát an toàn thông tin, kết nối với Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo điều hành.

3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số

3.1. Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu

Phối hợp đẩy mạnh tích hợp các nguồn dữ liệu của huyện trên hệ thống chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh; tích hợp dữ liệu và chia sẻ dữ liệu (LGSP), Nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tập trung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc ICT Đô thị thông minh tỉnh; từng bước hoàn thiện quy trình tích hợp và xử lý dữ liệu hiện có, hướng đến xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu, dữ liệu mở của tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Nền tảng IoT

Từng bước hình thành Nền tảng IoT của tỉnh Quảng Ngãi trên địa bàn huyện để đảm bảo các nhu cầu về giám sát, tích hợp và khai thác dữ liệu; phân luồng xử lý và chuyển đến đúng những ứng dụng khai thác. Từ các cảm biến IoT, việc tái sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau nhằm đem lại hiệu quả tối ưu về đầu tư.

3.3. Nền tảng trí tuệ nhân tạo

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành tỉnh, doanh nghiệp liên quan thiết lập các Nền tảng trí tuệ nhân tạo thực hiện các nội dung và phương pháp của trí tuệ nhân tạo dưới dạng các công cụ, sẵn sàng và dễ dàng cho người dùng sử dụng làm các ứng dụng và hoạt động; hướng đến 02 nhóm chức năng chính là Nền tảng giao dịch và Nền tảng đổi mới sáng tạo, phục vụ cho cả 04 mục tiêu: Chính quyền số, xã hội số, nền kinh tế số và đô thị thông minh.

- Trong giai đoạn 2025-2030, phối hợp thực hiện thiết lập các Nền tảng trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng tham gia các giao dịch với cơ quan nhà nước của người dân.

3.4. Nền tảng số hóa dùng chung

- Thực hiện thiết lập Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa để thực hiện chức năng kết nối giữa các đơn vị có nhu cầu với các đơn vị (doanh nghiệp) cung cấp dịch vụ số hóa.

- Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa cần đảm bảo việc kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại cơ quan, đơn vị và các kho dữ liệu trong hệ sinh thái Kho dữ liệu dùng chung huyện, tỉnh; đảm bảo năng lực lưu trữ tài liệu được số hóa, bao gồm dữ liệu số hóa từ các nguồn tài liệu và dữ liệu số hóa được sinh ra trong hoạt động

của cơ quan nhà nước (văn bản, kết quả giải quyết TTHC, dữ liệu kinh tế - xã hội) phục vụ cho việc quản lý, khai thác.

3.5. Thiết lập, kết nối, khai thác Nền tảng định danh và xác thực điện tử

Tiếp tục triển khai Nền tảng định danh và xác thực điện tử - là nền tảng lõi của hoạt động chính quyền số cũng như đô thị thông minh, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

3.6. Phát triển, khai thác các Nền tảng số khác

- Tiếp tục vận hành khai thác các Nền tảng số đã được thiết lập; đẩy mạnh triển khai Chương trình thúc đẩy sử dụng Nền tảng số quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi; đưa vào ứng dụng các nền tảng liên quan đến phục vụ người dân như: Nền tảng đào tạo trực tuyến, Nền tảng khám chữa bệnh từ xa, Hệ thống điều hành thông minh mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Xây dựng, ban hành và thường xuyên rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của huyện, của các cơ quan, ban, ngành và địa phương. Khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

- Triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho cơ quan nhà nước từ cấp huyện đến cơ sở. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Phối hợp triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan.

- Duy trì Nền tảng phòng chống mã độc tập trung, kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan.

- Chủ động hợp tác với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức an toàn thông tin; chủ động tham gia mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin, nhất là mạng lưới do Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

- Triển khai thường xuyên, hằng năm Chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đối với các cán bộ, công chức, viên chức,

người dân và doanh nghiệp với nội dung cập nhật theo sự thay đổi từ không gian mạng. Thường xuyên và tăng cường công tác phối hợp bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao năng lực của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; hợp tác với các cơ quan, tổ chức để hình thành mạng lưới bảo đảm an toàn thông tin rộng khắp, góp phần phòng, chống hiệu quả các hoạt động thâm nhập, phá hoại các hệ thống thông tin, nền tảng số; tham gia diễn tập thực chiến đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số.

5. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng chính quyền số

5.1. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Thực hiện tích hợp các dịch vụ theo nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp; sử dụng một tài khoản đăng nhập một lần cho tất cả các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến, chỉ cung cấp thông tin một lần, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp nhiều lần; thông tin hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp được đầy đủ, thuận tiện.

- Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, công cụ đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả công việc.

5.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước

- Ứng dụng công nghệ số để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định, quy chế một cách tốt hơn; cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp theo mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn và nhanh hơn.

- Ứng dụng khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ xử lý dữ liệu lớn và dữ liệu tích hợp dữ liệu của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện có sử dụng dữ liệu bên ngoài, của tỉnh, bộ, ngành trung ương và từ các nền tảng mạng xã hội.

- Tiếp tục thực hiện từng bước hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh và hoàn thiện phần mềm ứng dụng tại cơ quan, đơn vị theo Kiến trúc Chính quyền điện tử/Chính quyền số. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và với các đơn vị khác để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Cử cán bộ, công chức được đào tạo thường xuyên, hằng năm để nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số với tính đầy đủ, sẵn sàng về thông tin, dữ liệu.

5.3. Hoàn thiện công cụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu

- Tiếp tục phát triển, khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu huyện nhằm giúp các cơ quan nhà nước giảm thời gian và nguồn lực khi cung cấp các dịch vụ mới cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông kết nối giữa các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Phát triển chức năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của huyện phục vụ người dân, doanh nghiệp với các chức năng cấu thành tối thiểu gồm: Quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO); Kết nối thanh toán điện tử; Kết nối dịch vụ bưu chính để chuyển phát hồ sơ; Cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính; Tích hợp, chia sẻ, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu.

5.4. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung

- Phối hợp tiếp tục phát triển Hệ thống các Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Quảng Ngãi với 04 nhóm chính:

+ Cơ sở dữ liệu cơ quan chính quyền: Gồm các CSDL chuyên ngành và dữ liệu qua xử lý bởi nền tảng phân tích, tổng hợp dữ liệu tập trung; các Kho dữ liệu theo kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020, Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 24/12/2020 của tỉnh.

+ Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp: Thực hiện tích hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, dữ liệu về thuế, dữ liệu về xuất nhập khẩu, hình thành một cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thống nhất, phục vụ cho nhu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Cơ sở dữ liệu về người dân: Trên cơ sở dữ liệu dân cư và cơ sở dữ liệu hộ tịch phát triển mở rộng tích hợp các dữ liệu liên quan đến người dân như: y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội, giao thông, an ninh trật tự...

+ Cơ sở dữ liệu nền địa hình, địa chính: Tiếp tục triển khai số hóa, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tại các địa phương. Thiết lập cơ sở dữ liệu nền địa lý, hình thành một bản đồ số nền dùng chung thống nhất; triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS theo hướng dẫn của các sở ngành liên quan, Bộ Xây dựng tại Công văn số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022, phục vụ đa ngành, đa lĩnh vực.

- Tổ chức khai thác Kho dữ liệu dùng chung huyện thông qua cổng dữ liệu tỉnh, trong đó cổng dữ liệu mở là một thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp.

5.5. Phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở của tỉnh Quảng Ngãi

- Cơ quan, ban, ngành của huyện, UBND các xã có trách nhiệm chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống, tăng

trường kinh tế; khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội.

- Cơ quan, ban, ngành của huyện, UBND các xã, các tổ chức kinh tế - xã hội, các doanh nghiệp và người dân có nghĩa vụ đề xuất các nguồn dữ liệu mở theo hướng dẫn của Cơ quan được giao vận hành khai thác cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động để doanh nghiệp, người dân tham gia sử dụng dữ liệu mở, tạo ra sản phẩm giá trị mới đóng góp cho hệ sinh thái ứng dụng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế số, kinh tế tri thức, xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

5.6. Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền

Các cơ quan ban, ngành, các hội đoàn thể trên địa bàn huyện triển khai thực hiện số hóa với kết quả là hai loại dữ liệu, dữ liệu số (digital data) và dữ liệu văn bản (text data) theo mục tiêu lưu trữ, xử lý của 02 hệ thống sau đây:

- Hệ thống quản lý, điều hành bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử của huyện, tỉnh và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Các hồ sơ điện tử về dịch vụ công cần được quản lý bằng các hệ thống quản lý hồ sơ; các loại công văn giấy tờ hành chính cần được hỗ trợ khai thác, sử dụng bởi các hệ thống khai thác văn bản.

- Thực hiện thông tin tổng hợp báo cáo đảm bảo dữ liệu của tất cả các ngành, địa phương, có khả năng tự động thống kê, xử lý, phân tích dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp và phục vụ công việc của công chức, viên chức của huyện.

6. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế số

6.1. Nhóm nhiệm vụ chung cho các doanh nghiệp

a) Phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số

- Triển khai kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số cho tổ chức, doanh nghiệp nhằm tạo nhận thức và tư duy đúng về chuyển đổi số; nâng cao kiến thức về xây dựng chiến lược và lộ trình chuyển đổi số; nâng cao năng lực số của tổ chức, doanh nghiệp; xác định mô hình hoạt động, kinh doanh mới và thực hiện chuyển đổi.

- Giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số.

b) Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử

- Định hướng các doanh nghiệp tìm và xây dựng mối quan hệ của riêng họ với người mua/nhà cung cấp từ xa. Sự phát triển của các nền tảng thương mại điện tử cuối cùng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp khi chuyển sang phát triển các kênh trực tuyến cho khách hàng của mình.

- Triển khai mạng lưới logistics; thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics.

- Tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa; Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm và công khai kết quả trên mạng Internet đối với những trường hợp có đơn thư tố cáo, khiếu nại của người tiêu dùng.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các hiệp hội thuộc các ngành khác nhau để tranh thủ sự hỗ trợ của các công ty tư vấn quản lý và công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số.

- Triển khai cách hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất, các hợp tác xã chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số. Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã để giúp họ tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới.

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc sử dụng các nền tảng số nhằm giúp các doanh nghiệp SMEs tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế trong từng ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số cho xã hội, nền kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ nhằm tạo ra dòng chảy dữ liệu, động lực phát triển dữ liệu, tăng giá trị dữ liệu, là cơ sở để đổi mới sáng tạo, phát triển các dịch vụ nội dung số, phát triển nền kinh tế số, truyền thông - quảng cáo số; dịch vụ sáng tạo thông minh; thương mại điện tử...

6.2. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số đối với tất cả doanh nghiệp, ít nhất trong quản lý sản xuất và quan hệ khách hàng; các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường số thực hiện chuyển đổi qua các loại mô hình kinh tế có tính đột phá cao, như kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ.

- Phối hợp triển khai, tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Từng bước xây dựng Khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo huyện với mục tiêu thu hút, kết nối các nguồn lực thúc đẩy hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nâng cao hiệu quả sản xuất, kiến tạo các mô hình sản xuất chất lượng cao, năng suất lao động cao, kiến tạo sự đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) cho nền kinh tế.

6.3. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp đầu tư, tạo ra các giá trị kinh số lõi

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, ưu tiên cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm kinh tế số với thu hút đầu tư trên địa bàn huyện.

- Thực hiện đồng thời chuyển đổi số trong nhóm ngành, dịch vụ khác trong nhóm Kinh tế số với việc thu hút các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hàng hóa trong nhóm kinh tế số đạt mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết số 13-NQ/TU.

6.4. Chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế số

- Tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Triển khai thiết lập Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, các CSDL chuyên ngành và thực hiện mở dữ liệu cung cấp cho doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính minh bạch, nhanh chóng, hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện quy trình xử lý toàn trình, cung cấp văn bản, hồ sơ điện tử sử dụng ký số, cung cấp kho dữ liệu doanh nghiệp theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025.

6.5. Phát triển kinh tế số khu vực nông thôn, tổ chức kinh tế hợp tác xã

Phân đầu thực hiện theo các chỉ tiêu về kinh tế số theo các mô hình về làng số, làng thông minh, nông thôn mới, nông thôn mới thông minh theo Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025, Chỉ thị số 19/CT-TTG ngày 03/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã; trong

đó lựa chọn các làng, xã có tiềm năng để thực hiện theo hướng dẫn của Bộ NN&PTNT tại Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã Nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử phù hợp lộ trình Nông thôn mới nâng cao tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh.

7. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển xã hội số

- Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, người lao động, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng của chuyển đổi số. Phối hợp tổ chức các hoạt động đào tạo, phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân, trong đó chú trọng hoạt động tương tác, trải nghiệm trên môi trường số, hoạt động thường xuyên, liên tục, không có điểm dừng.

- Cơ quan nhà nước triển khai các chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, người lao động trong việc sử dụng định danh cá nhân, chữ ký số, mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng, triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh, thiết bị số đến toàn dân; phát triển hạ tầng internet, phủ sóng di động đảm bảo nhu cầu truy cập; tạo lập môi trường số thuận lợi, tiện ích, thân thiện, an toàn cho người dân, người lao động tham gia hoạt động trên môi trường số.

- Cơ quan chính quyền các cấp thiết lập các kênh giao tiếp với người dân trên môi trường số để thông qua đó, cung cấp thông tin cho người dân, người lao động, triển khai các nhiệm vụ của mình có liên quan đến người dân; người dân phản ánh với chính quyền về các vấn đề của đời sống xã hội (y tế, giáo dục, an ninh an toàn, trật tự xã hội, vệ sinh môi trường...). Duy trì và phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số.

- Triển khai theo các chỉ tiêu về xã hội số theo các mô hình về làng số, làng thông minh, nông thôn mới, nông thôn mới thông minh theo Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp lộ trình tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện đại trà tại tất cả các làng, xã trên địa bàn huyện, trên cơ sở phát huy vai trò của Chính quyền, tổ chức mặt trận, hội đoàn thể và Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai các Chương trình Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Chính phủ nhằm nâng cao năng lực số toàn diện với các yếu tố đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

8.1. Chuyển đổi số trong nông nghiệp

Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại khoản 4 mục VIII Quyết định số 749/QĐ-TTg của Chính phủ; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 03/6/2023 của Chính phủ về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã; Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử; đạt các chỉ tiêu, hoàn thành tốt nhiệm vụ đặt ra tại Quyết định số 906/QĐ- UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

8.2. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ, phân chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh gồm các nhiệm vụ sau:

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến, học sinh, nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến, chú trọng sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến, xây dựng và khai thác kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến, tăng cường tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến ở các cấp bậc học.

- 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu quốc gia về dân cư và công nghệ số.

- Hệ thống thông tin quản lý giáo dục toàn ngành được thiết lập, nâng cấp và vận hành hiệu quả.

- Phát triển dịch vụ hỗ trợ người học, người dân (phụ huynh), gồm triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình dựa trên sự hài lòng của học sinh và phụ huynh, sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khác trong xã hội.

8.3. Chuyển đổi số trong y tế

Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ, phần chuyển đổi trong lĩnh vực y tế; Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh gồm các mục tiêu trong lĩnh vực y tế như sau:

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số với bệnh án điện tử. Các cơ sở y tế thiết lập cơ sở dữ liệu của mình theo Luật khám, chữa bệnh phục vụ cho khám chữa bệnh, cung cấp dữ liệu cho trung tâm dữ liệu y tế, chú trọng tính đáp ứng khả năng khai các hệ thống dữ liệu chuyên ngành.

- Phát triển các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả. Phần mềm quản lý hoạt động các trạm y tế huyện có đầy đủ chức năng, kết nối dữ liệu với các bệnh viện tuyến trên để làm cơ sở cho khám chữa bệnh từ xa. Đến năm 2025, đảm bảo 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, 100% cơ sở khám chữa bệnh có dịch vụ chăm sóc, khám chữa bệnh từ xa; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến, thanh toán điện tử không dùng tiền mặt.

- Triển khai hệ thống thu thập dữ liệu y tế và sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu khám chữa bệnh, quản lý thuốc, nhân lực, trang thiết bị, nhất là phục vụ lĩnh vực y tế dự phòng.

- Phát triển nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin và thường xuyên bổ túc kiến thức sử dụng các công nghệ số cho cán bộ, nhân viên ngành y tế; xây dựng tổ chức tình nguyện nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin ngành y tế để sẵn sàng hỗ trợ các trạm y tế nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực ngành.

8.4. Chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên, môi trường

- Từng bước hình thành bản đồ tài nguyên, hệ thống thông tin quản lý tài nguyên thuộc phạm vi quản lý phục vụ đa ngành, đa lĩnh vực.

- Xây dựng hạ tầng số đầy đủ và toàn diện về môi trường, đảm bảo dữ liệu có tính cập nhật phản ánh trạng thái ô nhiễm môi trường, về diễn biến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn tỉnh; triển khai công tác bảo vệ môi trường (bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, không gian xanh, chống sạt lở ven sông, bảo vệ nguồn nước

ngâm,...) một cách bền vững dựa trên nền tảng số kết hợp với các hoạt động khác như quy hoạch, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

- Thiết lập các nền tảng số về trạng thái ô nhiễm để có giải pháp xử lý phù hợp; thiết lập công cụ giám sát liên tục đối với các “điểm nóng” về môi trường.

8.5. Chuyển đổi số lĩnh vực hạ tầng, giao thông

- Thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ và Đề án “Xây dựng và quản lý khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” tại Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình chuyển đổi số của Bộ giao thông vận tải đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2269/QĐ- BGTVT ngày 08/12/2020 và Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực đường bộ giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến 2030" tại Quyết định số 965/QĐ-BGTVT ngày 07/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Từng bước hình thành bản đồ quy hoạch, xây dựng; hệ thống thông tin quản lý quy hoạch, xây dựng, kết cấu hạ tầng đô thị thuộc phạm vi quản lý.

- Công tác hành chính, thống kê tổng hợp ngành giao thông vận tải được điện tử hóa, số hóa; ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông gồm: cầu, hầm, đường bộ, bãi đậu xe, vận tải công cộng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lập kế hoạch quản lý bảo trì, sửa chữa; quản lý, tô chức khai thác, sử dụng các tài sản kết cấu hạ tầng, giao thông; quản lý phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời CSDL về kết cấu hạ tầng, giao thông đường bộ do Trung ương quản lý, kết nối CSDL đường địa phương do địa phương quản lý để phục vụ công tác lập kế hoạch quản lý bảo trì, sửa chữa các tài sản kết cấu hạ tầng, giao thông, giám sát giao thông đường bộ; phê duyệt các dự án bảo trì, xây dựng cơ bản; công tác quyết toán, quản lý tài sản đường bộ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý công tác đào tạo sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe ô tô, mô tô; ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hình thức giao thông công cộng như xe buýt, dịch vụ giao thông, vận tải..

8.6. Chuyển đổi số lĩnh vực du lịch

- Xây dựng và triển khai giải pháp du lịch qua hình ảnh đối với những di tích lịch sử cấp tỉnh, qua đó cung cấp những thông tin chính thống đối với vấn đề văn hóa, lịch sử của huyện, của tỉnh.

- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch (các cơ sở cung cấp dịch vụ cho du lịch, hướng dẫn viên, công ty, dịch vụ khai thác du lịch...) được số hóa, quản lý trên môi trường số.

- Xây dựng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại tất cả các điểm đến du lịch, đảm bảo hỗ trợ khách du lịch trong trường hợp cần sự trợ giúp khẩn cấp.

- Xây dựng, triển khai các giải pháp phục vụ du khách với những nội dung: Tiếp cận Internet tốc độ cao, khuyến khích các điểm du lịch cung cấp các dịch vụ Internet không dây miễn phí cho tất cả khách du lịch; chuẩn hóa, số hóa thông tin, sử liệu về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch nhằm cung cấp những thông tin tốt nhất đến với khách du lịch; Xây dựng các ứng dụng hỗ trợ khách du lịch, ứng dụng công nghệ thực tế ảo, công nghệ trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới khác nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn đối với khách du lịch cũng như các điểm đến du lịch; Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch.

8.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội

- Tập trung triển khai các ứng dụng, nền tảng số, công nghệ số phù hợp nhằm đảm bảo vai trò, trách nhiệm của toàn dân trong hợp tác, chấp hành mọi quy định trong di chuyển, lao động, cư trú an toàn; được cung cấp, tương tác thông tin bảo vệ an toàn trong cuộc sống với lực lượng chức năng.

- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị huyện, UBND các xã căn cứ chức năng nhiệm vụ tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ kinh phí thực hiện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm cân đối, bố trí sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước đảm bảo tỷ lệ chi cho chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025 theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện

Giúp UBND huyện chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Nghiên cứu, tham mưu UBND huyện đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của huyện và tinh hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này và hoạt động chuyển đổi số của huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai của các phòng, ban, ngành huyện và các xã; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch để tham vấn cơ quan chuyên môn cấp trên, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định; định kỳ 06 tháng, năm tham mưu, tổng hợp báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá về kết quả triển khai thực hiện.

- Tổ chức triển khai công tác truyền thông các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và chính quyền cấp xã thực hiện thiết lập, vận hành Mạng lưới chuyển đổi số tại địa phương theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn huyện. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyển đổi số để đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quyết định bố trí nguồn kinh phí hằng năm (từ nguồn ngân sách huyện, tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia...) để thực hiện các dự án trên địa bàn huyện.

- Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Phòng Văn hóa và Thông tin, các cơ quan, đơn vị lập dự toán, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn vốn chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối của huyện.

4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo huyện, tăng cường tiềm lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Phối hợp với các phòng, ban ngành, địa phương và các tổ chức, đơn vị có liên quan đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ chuyển đổi số.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, liên kết đào tạo, tư vấn, hỗ trợ triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp thuộc ngành. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng và thương mại điện tử.

- Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu ngành xây dựng và sử dụng nền tảng công nghệ GIS, BIM, AI để thực chuyển đổi số ngành xây dựng và phục vụ xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn huyện.

5. Phòng Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin triển khai công tác tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

- Trên cơ sở đề nghị của Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ thẩm định các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyển đổi số để đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng.

6. Các tổ chức chính trị - xã hội huyện

- Tích cực tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Khuyến khích việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

7. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã

Hàng năm xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, địa phương đảm bảo phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Chính phủ, bộ ngành Trung ương, Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023, Kế hoạch số 118-KH/HU ngày 30/10/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Kế hoạch này phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đề xuất nội dung nhiệm vụ liên quan đối với ngành, địa phương tại Kế hoạch, trình cấp thẩm quyền xem xét; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

- Theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, có trách nhiệm xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với

các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên ngành, các nhiệm vụ có sử dụng nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Phối hợp đẩy mạnh các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Chuyển đổi số theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp về chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành và ứng dụng nền tảng công nghệ GIS, BIM, AI để thực chuyển đổi số thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn huyện.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo tình hình triển khai công tác chuyển đổi số, gửi Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, Ủy ban nhân dân huyện.

- Tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

8. Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

- Có trách nhiệm đóng góp nguồn lực tài chính để hoàn thành các nhiệm vụ của Kế hoạch phục vụ nhu cầu sử dụng của chính các doanh nghiệp, tổ chức và công dân cũng như phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan chức năng của huyện, tỉnh tổ chức có liên quan tới chuyển đổi số.

9. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, thôn, hộ gia đình, Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp và các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Tây. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, các cơ đơn vị chủ động đề xuất, gửi Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp trình UBND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- BCD Chuyển đổi số tỉnh (báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Công an huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Các cơ quan TW, tỉnh trên địa bàn huyện;
- Các Doanh nghiệp trên địa bàn huyện;
- C, PCVP, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Ngọc Trân**

PHỤ LỤC

Một số nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

trên địa bàn huyện Sơn Tây

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2024/ của UBND huyện)

TT	Nội dung	Chủ trì	Thời gian thực hiện
I	Nhóm nhiệm vụ chung		
1	Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; các quy trình, quy chế áp dụng theo nội dung Kế hoạch này theo điều phối của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cấp xã	Hàng năm
2	Triển khai, tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt	Phòng Nội vụ, VH&TT	Hàng năm
3	Truyền thông về chương trình và kết quả thực hiện chuyển đổi số của huyện	Phòng VH&TT; Trung tâm TT-VH-TT	Thường xuyên
4	Thiết lập môi trường số, tăng cường giao tiếp giữa cơ quan chính quyền các cấp với người dân, người lao động	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cấp xã	2024 -2025
5	Tạo mọi điều kiện để phát triển mạng 5G trên địa bàn	Các Doanh nghiệp Viễn thông	2023-2030
6	Tham gia vào xây dựng, vận hành, phát triển mạng lưới Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	UBND huyện	2025-2026
7	Hoàn thành chuyển đổi sang IPv6, phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Quảng Ngãi	Các doanh nghiệp viễn thông	2024-2025
8	Thiết lập, vận hành các Nền tảng trí tuệ nhân tạo	Sở Thông tin và Truyền thông (UBND huyện tham gia)	2026-2030
9	Thiết lập Nền tảng số hóa dùng chung	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030

TT	Nội dung	Chủ trì	Thời gian thực hiện
		(UBND huyện tham gia)	
10	Thiết lập, kết nối, khai thác Nền tảng định danh và xác thực điện tử	Công an tỉnh (Công an huyện tham gia)	2024-2030
11	Hoàn thiện CSDL đất đai; thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh	Các Sở, ban ngành tỉnh (UBND huyện tham gia)	2024-2030
12	Xây dựng, triển khai Đề án Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế và khuyến khích đại học số	Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng GD&ĐT tham gia)	2024-2030
13	Tham gia duy trì, mở rộng hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng	Phòng VH&TT	Hàng năm
14	Đo lường về Chuyển đổi số	UBND huyện	Hàng năm
II	Phát triển chính quyền số		
15	Tiếp tục phát triển Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, gắn kết việc kiểm soát tình hình thực thi nhiệm vụ tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp	Văn phòng HĐND&UBND huyện	2026-2030
16	Tiếp tục tham gia phát triển Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Phòng, ban ngành huyện, UBND cấp xã	2026-2030
17	Số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020, Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh	UBND cấp huyện, cấp xã	Hoàn thành trong năm 2025
18	Tham gia vào tổ chức vận hành, phát triển Cơ sở dữ liệu nền địa lý, địa chính tỉnh Quảng Ngãi; cung cấp dữ liệu nền cho các ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2023-2030
19	Tham gia vào tổ chức vận hành và phát triển hệ thống thông tin tổng hợp báo cáo tỉnh, đảm bảo thực hiện chế độ thông tin báo cáo do cơ quan hành chính nhà nước các cấp quy định	Văn phòng HĐND & UBND huyện	2024-2030
20	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân	UBND cấp huyện, cấp xã	Hàng năm

TT	Nội dung	Chủ trì	Thời gian thực hiện
21	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước	Các phòng, ngành huyện, UBND cấp xã	2024-2030
III	Nhóm phát triển kinh tế số		
22	Liên kết, phối hợp tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số	Phòng KT&HT, các phòng, ngành huyện có nhóm ngành kinh tế số	Hàng năm
23	Triển khai Chuyển đổi đối với tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thực hiện theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ	Phòng KT&HT; UBND cấp xã	Hàng năm
24	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp	Các phòng, ban ngành huyện; các doanh nghiệp trên địa bàn huyện	2024-2030
25	Triển khai Chương trình hỗ trợ Chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Hàng năm
26	Phát triển kinh tế số nông thôn theo mô hình Nông thôn mới thông minh tại các làng, xã có tiềm năng	Phòng NN&PTNT, UBND cấp xã (liên quan)	2024-2030
27	Tham gia nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ kinh tế chia sẻ, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn	Phòng TC-KH, Phòng TN&MT	2024-2025
28	Tham gia vào kế hoạch Xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2024-2025
29	Tham gia vào Đề án xây dựng và vận hành Khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2024-2030

TT	Nội dung	Chủ trì	Thời gian thực hiện
30	Tham gia xây dựng và triển khai Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2024-2025
31	Đo lường về kinh tế số, giá trị Thương mại điện tử	Chi cục Thống kê, Phòng KT&HT	Hàng năm
IV	Phát triển xã hội số		
32	Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, tổ chức các hoạt động phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân	Phòng VH&TT, Trung tâm TT-VH-TT, các đơn vị liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm
33	Tổ chức lực lượng thanh niên xung kích, đoàn viên thanh niên các ngân hàng thương mại tư vấn hỗ trợ người dân khu vực nông thôn ứng dụng các công cụ thanh toán không dùng tiền mặt	Các Ngân hàng thương mại; Huyện Đoàn	Hàng năm
34	Phát triển định danh cá nhân	Công an huyện	Hàng năm
35	Tạo điều kiện và phát triển hạ tầng mạng; phổ cập thiết bị di động	UBND cấp huyện, cấp xã	2024-2025
36	Thiết lập các kênh giao tiếp giữa cơ quan chính quyền với người dân trên môi trường số	Các phòng, ban ngành huyện; UBND cấp xã	2024-2030
37	Triển khai mô hình về nông thôn mới, nông thôn mới thông minh (đại trà)	Phòng NN&PTNT, UBND xã, Tổ CNS Cộng đồng các cấp	2024-2030
38	Triển khai chương trình hỗ trợ cước viễn thông từ nguồn Quỹ viễn thông công ích	Phòng LĐ-TB&XH, các DNVT	Hàng năm
V	Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực		
39	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2024-2030
40	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục phổ thông	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2024-2030
41	Chuyển đổi số trong lĩnh vực đào tạo dạy nghề	Phòng Lao động - TB&XH	2024-2030

TT	Nội dung	Chủ trì	Thời gian thực hiện
42	Chuyển đổi số trong đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển đổi số của huyện	Phòng Nội vụ	Hằng năm
43	Chuyển đổi số trong đào tạo kỹ năng số cho người lao động	Các phòng, ban ngành huyện; UBND cấp xã; các doanh nghiệp	Hằng năm
44	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện	2024-2030
45	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, quản lý đô thị	Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp xã	2024-2030
46	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch	Phòng Văn hóa và Thông tin	2024-2030
47	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải	Phòng KT&HT	2024-2030
48	Chuyển đổi số trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội	Công an huyện; các phòng, ban ngành huyện; UBND cấp xã; các doanh nghiệp	2024-2030